



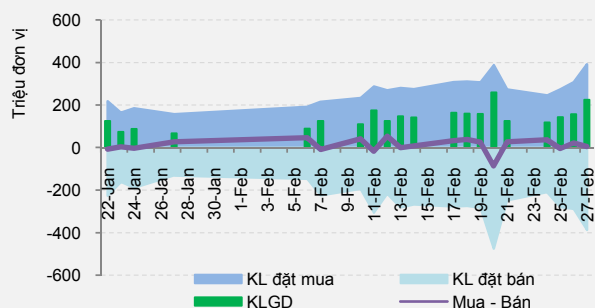
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 27/2/2014

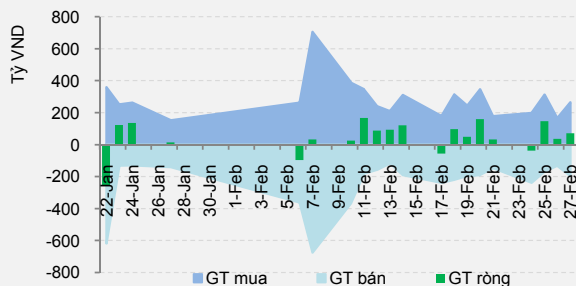
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	584.8	82.6
% Thay đổi	↓ -0.9%	↓ -0.2%
KLGD (CP)	225,207,222	110,810,225
GTGD (tỷ đồng)	3,492.04	1,061.54
Tổng cung (CP)	386,174,010	160,059,300
Tổng cầu (CP)	391,731,850	138,830,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	6,299,792	699,806
KL mua (CP)	7,751,712	1,370,820
GTmua (tỷ đồng)	265.19	16.18
GT bán (tỷ đồng)	195.01	10.16
GT ròng (tỷ đồng)	70.18	6.02

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.84%	9.1	2.1	4.0%
Công nghiệp	↓ -1.90%	339.1	1.3	17.9%
Dầu khí	↓ -2.57%	8.9	1.9	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.76%	15.4	2.2	1.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.16%	10.5	3.1	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.18%	13.6	5.0	11.6%
Ngân hàng	↑ 1.16%	14.6	1.4	12.3%
Nguyên vật liệu	↓ -1.23%	11.6	2.2	8.1%
Tài chính	↓ -0.79%	17.2	2.5	38.6%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -3.16%	11.6	4.1	3.9%
VN - Index	↓ -0.85%	14.5	3.1	76.7%
HNX - Index	↓ -0.19%	20.7	1.7	23.3%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	3,895,750	1.7%	2,946,900	1.3%
GTGD (triệu VND)	73,783	2.1%	113,123	3.2%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index phân hóa mạnh ngay từ đầu phiên giao dịch, với xu hướng tăng nóng của nhóm cổ phiếu ngân hàng, cổ phiếu penny BĐS, khoáng sản. Nhóm cổ phiếu Bluechips, cổ phiếu midcap diễn biến kém tích cực hơn thị trường chung. Đa dạng nóng của nhóm cổ phiếu nhỏ, kết hợp với việc thị trường tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng 590 điểm đã thúc đẩy áp lực cung. Khối lượng đặt bán tăng mạnh trong phiên giao dịch chiều, lan tỏa toàn thị trường chung. Thị trường đóng cửa giảm điểm về cuối phiên, nhóm cổ phiếu Bluechips, midcap giảm điểm mạnh. Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang trong xu hướng điều chỉnh giảm tại ngưỡng cản kỹ thuật 590-600 điểm. Phiên giảm điểm mạnh dẫn về cuối phiên với thanh khoản cao cho tín hiệu kém tích cực. Tâm lý thận trọng tại ngưỡng kháng cự kỹ thuật đang chiếm ưu thế. Điểm tích cực là dòng tiền đổ vào thị trường vẫn mạnh và ổn định, mang tính chủ động tại mức giá thấp. Do vậy, chúng tôi cho rằng mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật khoảng 565 điểm.

Chỉ số HNX-Index điều chỉnh giảm điểm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm. Mức độ giảm điểm của thị trường chung không nhiều nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu Ngân hàng, đặc biệt khi ACB công bố kế hoạch mua cổ phiếu quỹ. Còn lại đa số cổ phiếu chịu áp lực cung khá mạnh, đẩy thị trường giảm điểm về cuối phiên. Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm tại ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm. Phiên giảm điểm mạnh dẫn về cuối phiên với thanh khoản cao cho tín hiệu kém tích cực về kỹ thuật. Áp lực cung đang chiếm ưu thế, dù dòng tiền tham gia thị trường vẫn được đánh giá tích cực. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của thị trường khoảng 78 điểm.

Giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

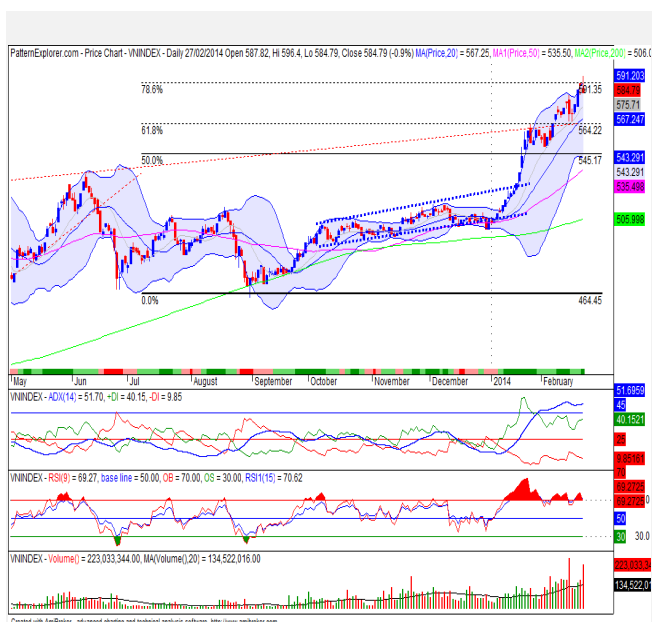
- Chỉ số VN-Index giảm 5.01 điểm (0.85%), xuống 584.79 điểm, mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 596.4 điểm.

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.16 điểm (0.20%), xuống 82.63 điểm, gần mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất trong phiên là 84.32 điểm.

- Hôm nay NHNN tổ chức hội nghị sơ kết chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp năm 2013. NHNN kêu gọi các ngân hàng xem xét giảm tiếp lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp, đặc biệt là trong thời điểm hiện nay, khi chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng rất thấp trong hai tháng đầu năm. Thông đốc dự báo mặt bằng lãi suất cho vay chung trong năm nay sẽ giảm thêm ít nhất 1 -2%/năm. Với lãi suất huy động, khả năng sẽ giữ như mức hiện nay, khi đã xuống dưới 7%/năm cho kỳ hạn dưới 6 tháng. Hiện tại tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống ở mức thấp là thường thấy theo chu kỳ cuối năm. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2014 có thể đạt được 12 – 13%.

- NĐTNN tiếp tục xu hướng mua ròng trên TTCK Việt Nam. Tính từ đầu năm, khối ngoại mua ròng 2454 tỷ đồng tại sàn HOSE, 596 tỷ đồng tại sàn HNX. Kênh trái phiếu trong tháng 2 cũng thu hút sự quan tâm của NĐTNN với lượng mua ròng mạnh 2044 tỷ đồng, trái ngược với xu hướng bán ròng nhẹ 223 tỷ đồng trong tháng 1. Đối với khoản vốn đầu tư trực tiếp, dòng vốn ngoại cũng đang quan tâm hơn đến nền kinh tế Việt Nam, trước những diễn biến rủi ro của kinh tế Trung Quốc và Thái Lan.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 5.01 điểm (0.85%), xuống 584.79 điểm, mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 596.4 điểm.

- KLGD tăng mạnh 45% so phiên trước, lên 233 triệu đơn vị.

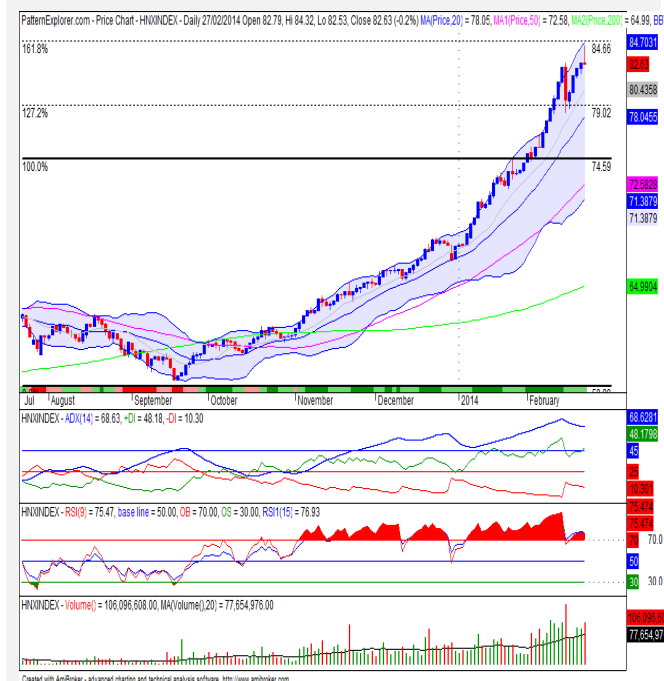
- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 70 điểm. Chỉ báo MACD 9 ngày duy trì khoảng cách sát phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Thị trường phân hóa mạnh ngay từ đầu phiên giao dịch, với xu hướng tăng nóng của nhóm cổ phiếu ngân hàng, cổ phiếu penny BĐS, khoáng sản. Nhóm cổ phiếu Bluechips, cổ phiếu midcap diễn biến kém tích cực hơn thị trường chung. Đà tăng nóng của nhóm cổ phiếu nhỏ, kết hợp với việc thị trường tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng 590 điểm đã thúc đẩy áp lực cung. Khối lượng đặt bán tăng mạnh trong phiên giao dịch chiều, lan tỏa toàn thị trường chung. Thị trường đóng cửa giảm điểm về cuối phiên, nhóm cổ phiếu Bluechips, midcap giảm điểm mạnh.

Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm tại ngưỡng cản kỹ thuật 590-600 điểm. Phiên giảm điểm mạnh dần về cuối phiên với thanh khoản cao cho tín hiệu kém tích cực về kỹ thuật. Tâm lý thận trọng tại ngưỡng kháng cự kỹ thuật đang chiếm ưu thế. Điểm tích cực là dòng tiền đổ vào thị trường vẫn mạnh và ổn định, mang tính chủ động tại mức giá thấp. Do vậy, chúng tôi cho rằng mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật khoảng 565 điểm.

Giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian điều chỉnh tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.16 điểm (0.20%), xuống 82.63 điểm, gần mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất trong phiên là 84.32 điểm.

- KLGD tăng 17% so phiên trước, lên 106 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống 76.7 điểm. Đường MACD 9 ngày trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index điều chỉnh giảm điểm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm. Mức độ giảm điểm của thị trường chung không nhiều nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu Ngân hàng, đặc biệt khi ACB công bố kế hoạch mua cổ phiếu quỹ. Còn lại đa số cổ phiếu chịu áp lực cung khá mạnh, đẩy thị trường giảm điểm về cuối phiên.

Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm tại ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm. Phiên giảm điểm mạnh dần về cuối phiên với thanh khoản cao cho tín hiệu kém tích cực về kỹ thuật. Áp lực cung đang chiếm ưu thế, dù dòng tiền tham gia thị trường vẫn được đánh giá tích cực. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của thị trường khoảng 78 điểm.

Giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian điều chỉnh tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.42
2	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.13
3	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.09
4	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.30
5	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.24
6	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.00
7	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	17.96
8	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	1.91
9	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.38
10	TCS	HNX	1158.46	44.8%	147.27	1195.3%	3851.24	15.5%	48.96	9.9%	96.7%	7.02

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
2	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.24
3	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
4	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	48.99
5	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.33
6	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	4.84
7	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.00
8	VHG	HOSE	19.32	-44.2%	7.77	154.8%	186.59	10.9%	83.29	330.3%	-416.5%	0.36
9	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.95
10	HGD	HOSE	664.6	24.1%	40.44	-36.4%	1232.33	32.4%	97.85	320.9%	163.1%	6.29

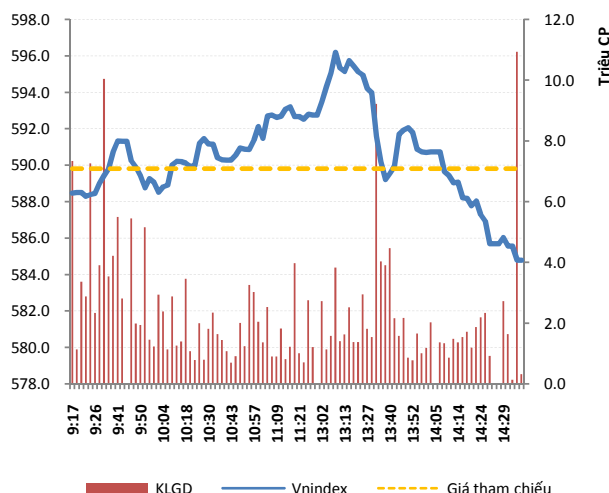
TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.50
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.95
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	30.37
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.44
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.48
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.27
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.47
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.32
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.95
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.93

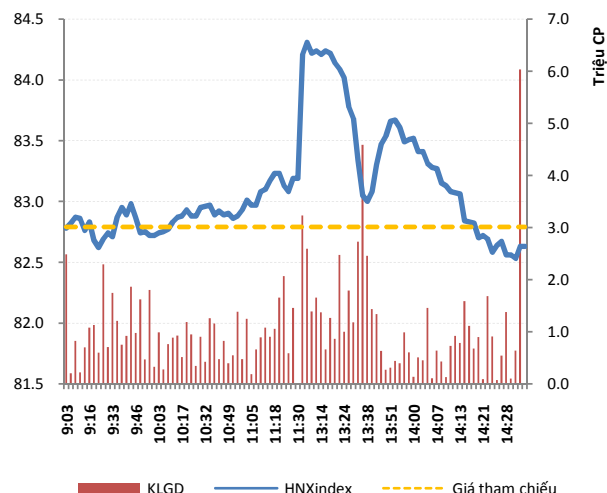
Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 18/02/2014

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

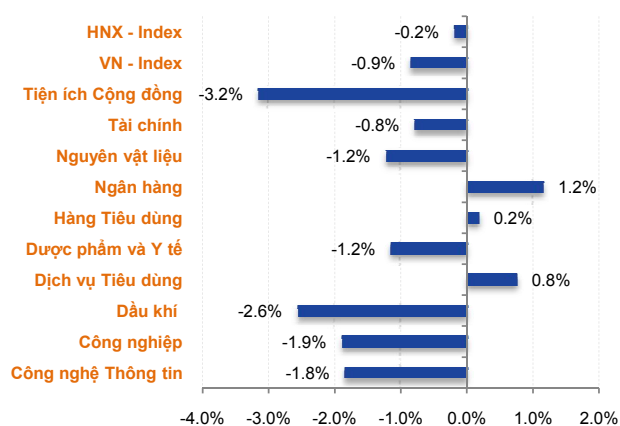
KLGD và VN-Index trong phiên



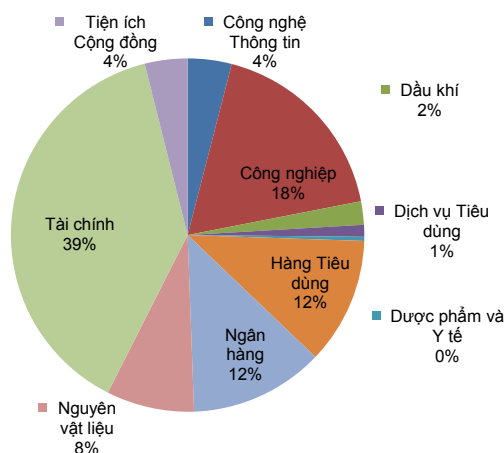
KLGD và HNX-Index trong phiên



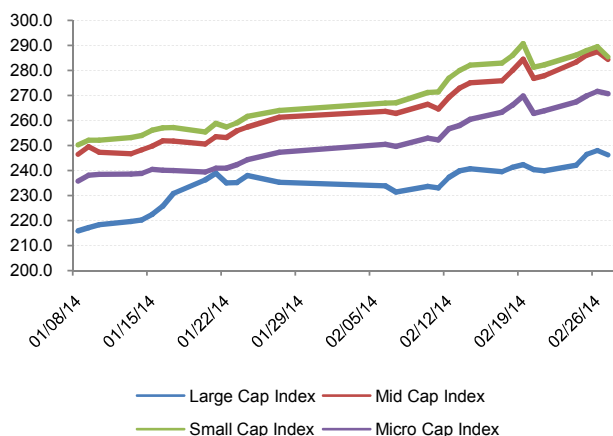
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



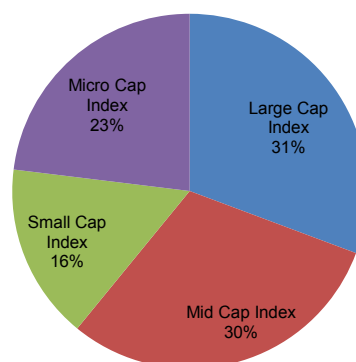
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	1,308,230	KBC	757,100
2	DXG	662,850	CTG	546,880
3	HAG	597,550	HQC	500,000
4	HSG	288,020	IJC	293,750
5	NBB	277,370	NTL	200,090

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	169,300	KLS	105,400
2	PVS	133,200	HLD	74,500
3	PFL	73,000	PVG	39,000
4	SCR	70,900	PLC	30,000
5	VND	63,300	PVL	30,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.7	8.0	↑ 3.90%	25,582,500
FLC	11.7	12.1	↑ 3.42%	11,184,790
OGC	12.3	12.6	↑ 2.44%	9,627,160
HQC	8.3	8.3	→ 0.00%	8,691,580
HAR	8.7	9.1	↑ 4.60%	7,577,950

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	8.9	9.0	↑ 1.12%	16,103,125
PVX	4.3	4.2	↓ -2.33%	12,722,521
SCR	9.6	9.2	↓ -4.17%	8,214,482
SHS	7.0	7.0	→ 0.00%	6,927,260
KLS	11.7	11.5	↓ -1.71%	6,397,227

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
UDC	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
HOT	27.8	29.7	1.9	↑ 6.83%
BMI	15.0	16.0	1.0	↑ 6.67%
SAV	15.0	16.0	1.0	↑ 6.67%
STG	25.6	27.3	1.7	↑ 6.64%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE8	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
DNP	18.3	20.1	1.8	↑ 9.84%
HBE	9.2	10.1	0.9	↑ 9.78%
DZM	5.2	5.7	0.5	↑ 9.62%
PHH	7.3	8.0	0.7	↑ 9.59%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DRH	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
PTL	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
C47	23.5	21.9	-1.6	↓ -6.81%
HT1	10.3	9.6	-0.7	↓ -6.80%
DTT	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GMX	16.0	14.4	-1.6	↓ -10.00%
PVB	32.4	29.2	-3.2	↓ -9.88%
INC	6.4	5.8	-0.6	↓ -9.38%
DNC	9.8	8.9	-0.9	↓ -9.18%
S99	7.0	6.4	-0.6	↓ -8.57%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	25,582,500	0.7%	74	108.5	0.7
FLC	11,184,790	7.9%	663	18.3	1.5
OGC	9,627,160	-1.8%	(196)	-	1.2
HQC	8,691,580	3.5%	376	22.1	0.8
HAR	7,577,950	3.3%	338	26.9	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	16,103,125	7.6%	854	10.5	0.8
PVX	12,722,521	-115.4%	(5,275)	-	2.1
SCR	8,214,482	0.4%	53	173.5	0.6
SHS	6,927,260	1.5%	116	60.1	0.9
KLS	6,397,227	5.5%	716	16.1	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
UDC	↑ 6.9%	0.2%	18	349.2	0.6
HOT	↑ 6.8%	18.2%	2,581	11.5	2.2
BMI	↑ 6.7%	4.3%	1,238	12.9	0.6
SAV	↑ 6.7%	1.8%	534	29.9	0.5
STG	↑ 6.6%	17.6%	2,856	9.6	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE8	↑ 10.0%	11.8%	1,145	10.5	0.6
DNP	↑ 9.8%	10.1%	2,612	7.7	0.7
HBE	↑ 9.8%	0.0%	(3)	(3,231.3)	0.9
DZM	↑ 9.6%	-10.4%	(1,702)	(3.3)	0.4
PHH	↑ 9.6%	0.3%	47	168.4	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	1,308,230	0.7%	74	108.5	0.7
DXG	662,850	13.9%	1,522	10.4	1.9
HAG	597,550	8.0%	1,372	20.0	1.5
HSG	288,020	25.7%	5,770	9.4	2.3
NBB	277,370	2.0%	924	29.2	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	169,300	7.6%	854	10.5	0.8
PVS	133,200	21.0%	3,568	8.3	1.6
PFL	73,000	-16.4%	(1,517)	-	0.4
SCR	70,900	0.4%	53	173.5	0.6
VND	63,300	10.8%	1,247	12.3	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	157,285	40.8%	6,535	12.7	4.7
VNM	118,352	39.6%	7,839	18.1	6.7
MSN	72,021	3.0%	611	160.3	4.8
VIC	70,946	47.7%	7,380	10.6	4.0
VCB	70,681	10.3%	1,878	16.2	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,942	6.6%	886	19.5	1.3
PVS	13,178	21.0%	3,568	8.3	1.6
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	7,975	7.6%	854	10.5	0.8
VCG	6,714	10.0%	1,233	12.3	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HVX	2.63	-7.7%	(703)	-	1.0
BVH	2.22	9.0%	1,610	28.9	2.6
IMP	2.18	8.5%	3,720	14.9	1.3
HBC	2.08	6.4%	1,266	18.2	1.1
HPG	1.99	22.2%	4,663	10.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	4.03	0.4%	42	130.2	0.5
HBE	4.01	0.0%	(3)	-	0.9
BKC	3.51	-31.9%	(3,682)	-	1.4
S12	3.41	0.9%	115	42.5	0.4
PVX	3.36	-115.4%	(5,275)	-	2.1



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)